

Bản án số: **160/2025/HS-ST**
Ngày 27/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG -THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Châu

Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy- Cán bộ Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2025/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Giới tính: Nữ. HKTT và nơi ở: Pxx Chung cư L, phường L, quận H, Hà Nội. Nghề nghiệp: Tự do. Văn hóa:12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Tiến T. Con bà: Hoàng Thị D. Chồng : Bùi Tuấn A. Tiền án : Không ; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 25/5/2011, Công an phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc (đã hết thời hiệu). Danh chỉ bản số 95 lập ngày 27/02/2025 tại công an quận Hai Bà Trưng. Bắt tạm giam ngày 27/02/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Tuấn A, sinh năm 1986. Giới tính: Nam. HKTT: P801 NC1 Chung cư La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: 7A M8 Tập thể M, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Bùi Ngọc U, Con bà: Lê Thị V. Vợ : Nguyễn Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1119 lập ngày 08/5/2025 tại PC11A- PT Đống Đa- Công an thành phố Hà Nội; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Đào Văn C, sinh năm 1983; HKTT: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở: N, phường T, thành phố T, Bắc Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn B, sinh năm 1970; HKTT và nơi ở: Tập thể M, phường B, quận H, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với Bùi Tuấn A nên anh Trần Văn B (Sn: 1970, Nơi thường trú: xx) mời Tuấn A và vợ là Nguyễn Thị H (SN: 1974, Nơi thường trú:xx) đến nhà của anh B để ăn cơm. Tại đây, anh B giới thiệu với vợ chồng H là anh Đào Văn C (Sn 1983; Nơi thường trú: xx) có nhu cầu đi xuất khẩu lao động và nhờ vợ chồng H giúp đỡ. Để tạo niềm tin cho anh C và anh B, vợ chồng H và Tuấn A đều giới thiệu mình làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động. Thông qua cuộc trò chuyện, H trao đổi với anh C về việc do anh C lớn tuổi và có hình xăm nên anh C không đi xuất khẩu lao động được tại các nước châu Á mà chỉ nên đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc hoặc Hy Lạp. Hiện nay, H đang có 01 suất làm công nhân lắp ráp linh kiện điện tử tại Cộng hòa Séc với mức lương 30.000.000 đồng- 50.000.000 đồng, nếu anh C muốn đi thì chi phí là 300.000.000 đồng, trong vòng 06 tháng sẽ được đi xuất khẩu lao động và anh C phải đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng, hoàn thiện thêm các giấy tờ tài liệu như: Sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy đăng ký kết hôn, hộ chiếu, giấy xác nhận của chính quyền địa phương về cư trú, lý lịch tư pháp, giấy khám sức khỏe. Tại thời điểm H tư vấn cho anh C, Tuấn A ngồi gần đó cũng nắm được nội dung và nói với anh C cần chuẩn bị các giấy tờ như H đã hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ đi xuất khẩu lao động, anh C đồng ý. Sau đó, vào tháng 11/2022, anh C đã chuyển cho H số tiền 100.000.000 đồng để làm thủ tục đưa anh C đi xuất khẩu lao động, cụ thể:

- Ngày 16/11/2022, anh C chuyển khoản cho H số tiền 30.000.000 đồng tại địa chỉ: xx, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Ngày 16/11/2022, anh C chuyển khoản cho H số tiền 25.000.000 đồng tại địa chỉ: xx, quận Hà Đông và đưa trực tiếp cho H số tiền 5.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2022, anh C chuyển khoản cho H số tiền 40.000.000 đồng tại địa chỉ: xx, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Sau đi nhận tiền và hồ sơ của anh C, H đã liên hệ với Nguyễn Đức T (sinh năm 1988, trú tại: xx, Hà Nội) để gửi hồ sơ của anh C nhưng không được việc. Số tiền 100.000.000 đồng nhận đặt cọc từ anh C, H đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Sau thời hạn 06 tháng nhưng chưa được đi xuất khẩu lao động, ngày 11/5/2023, anh C đã liên hệ với H để đòi lại số tiền đặt cọc đã đưa nhưng vợ chồng H và Tuấn A đã viết giấy cam kết và hứa hẹn trả lại tiền đặt cọc nếu trong 01 tháng không làm được giấy tờ cho anh C đi xuất khẩu lao động. Hết thời hạn theo giấy cam kết, anh C không thấy H, Tuấn A liên lạc lại nên anh C đã về quê của Tuấn A tại thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình nhưng không gặp được. Ngày 17/6/2023, vợ chồng H và Tuấn A tiếp tục viết cam kết và hứa hẹn trả lại tiền đặt cọc nếu trong 03 tháng không làm được giấy tờ cho anh C đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn đã hứa với anh C, vợ chồng H không thực hiện được việc đưa anh C đi xuất khẩu lao động nên anh C đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra.

Ngày 04/04/2024, Cơ quan CSĐT – Công an quận Hai Bà Trưng đã gửi Quyết định trưng cầu giám định đề nghị Phòng PC09 – CATP.Hà Nội tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H và Bùi Tuấn A.

Bản kết luận giám định số 3600/KL-KTHS ngày 23/5/2024 của Phòng PC09 – CATP Hà Nội, kết luận như sau: “Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1); chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người viết và ký ra. Chữ ký đứng tên Bùi Tuấn A trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Bùi Tuấn A trên mẫu so sánh (ký hiệu M3) là chữ do cùng một người ký ra”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Tại thời điểm trao đổi với anh C, Tuấn A đang làm Giám đốc phát triển thị trường tại công ty D (Địa chỉ: xx, Hà Nội, hiện đang đặt văn phòng tại địa chỉ: xx, Hà Nội), Công ty TNHH D chuyên về tuyển sinh du học ở nước Đức (Không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc) còn H đang làm trung gian môi giới đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài để lấy phần trăm hoa hồng (không có chức năng, nhiệm vụ đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và cũng không công tác tại một đơn vị hay công ty nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài) nhưng H và Tuấn A vẫn giới thiệu bản thân đang làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động để tạo lòng tin cho anh Đào Văn C.

Tại bản cáo trạng số 118/CT-VKSHBT-HS ngày 30/5/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và Bùi Tuấn A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị H và Bùi Tuấn A giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị H từ 24- 30 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Tuấn A từ 24- 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 48- 60 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tuấn A cho chính quyền UBND nơi cư trú giám sát quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, Nguyễn Thị H và Bùi Tuấn A đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/11/2025, tại địa chỉ xx, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của anh Đào Văn C bằng thủ đoạn giới thiệu bản thân làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động để nhận tiền từ anh C và sử dụng vào mục đích cá nhân. Đối chiếu các quy định của pháp luật, hành vi của Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải có một mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại để khắc phục hậu quả. Vì vậy xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Bùi Tuấn A, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định mọi việc liên hệ, nhận tiền và sử dụng tiền của người bị hại đều do bị cáo H thực hiện, bị cáo Tuấn A chỉ tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã rất tích cực trong việc bồi thường để khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tuấn A. Xét thấy bị cáo Tuấn A có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú trong thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt tù bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[6] Đối với anh Trần Văn B là người giới thiệu vợ chồng H- Tuấn A với anh Đào Văn C, qua điều tra và tại phiên toà xác định anh B không biết H- Tuấn A không làm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, không biết việc H- Tuấn A trao đổi với anh C như thế nào về việc đưa người đi xuất khẩu lao động nên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Hai Bà Trưng không xem xét xử lý đối với anh B là có căn cứ.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Tuấn A;

Áp dụng Điều 136, Điều 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Thị H **26** (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2025.

Xử phạt Bùi Tuấn A **26** (hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 52 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Bùi Tuấn A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bùi Tuấn A phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo Bùi Tuấn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A.

3. Về dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Tuấn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Bạch Mai
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Oanh

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Oanh